**BẢN THUYẾT MINH NỘI DUNG DƯ THẢO NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ**

**THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

(Kèm theo dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị định lần 01 )

Sửa ngày 21-5

| **TT** | **Nghị định số 55/2012/NĐ-CP** | **Dự thảo Nghị định sửa đổi** | **Lý do** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | *Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.* | *Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.* | Giữ nguyên |
|  | *Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*  *Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,*  *Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.* | *Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ năm 2015;*  *Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,*  *Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.* | Thay Luật Tổ chức Chính phủ năm 2001 bằng Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 cho phù hợp, đồng thời biên tập theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |
|  | **Chương 1. Quy định chung**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; phân loại đơn vị sự nghiệp công lập. | **Chương 1. Những quy định chung**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; phân loại đơn vị sự nghiệp công lập. | Giữ nguyên |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Nghị định này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sau:  a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập;  c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;  d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh);  đ) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  e) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện).  2. Nghị định này không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập sau:  a) Các cơ quan thuộc Chính phủ;  b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp Nhà nước;  c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Nghị định này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (*bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở ở nước ngoài)* sau:  a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập;  c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;  d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh);  đ) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn, *thuộc tổ chức hành chính khác* thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  e) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, *thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương*(sau đây gọi chung là cấp huyện).  *2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các tổ chức hành chính thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan*  3. Nghị định này không áp dụng đối với đối với đơn vị sự nghiệp công lập sau:  a) Các cơ quan thuộc Chính phủ;  b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc doanh nghiệp Nhà nước;  c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội. | *Bổ sung đối tượng đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở ở nước ngoài để bao quát hết đối tượng.*  .  Bổ sung cụm từ “thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương” cho phù hợp với quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.  Bổ sung đối tượng áp dụng các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan gồm: các ĐVSNCL thuộc các tổ chức hành chính thuộc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt cho phù hợp với Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; các ĐVSNCL thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cho phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật viên chức năm 2010 và Khoản 1 Điều 3 Nghị định này.  - Giữ nguyên |
|  |  | ***Điều 3. Giải thích từ ngữ***  *Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:*  *1. Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước.*  *2. Đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở ở nước ngoài là đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Khoản 1 Điều này có trụ sở đặt tại nước ngoài.*  *3. Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập là việc sắp xếp, kiện toàn lại các đơn vị sự nghiệp công lập dưới các hình thức: Sáp nhập; hợp nhất; chia tách; thay đổi vị trí pháp lý để hình thành đơn vị sự nghiệp công lập mới; thay đổi tên gọi, chức năng, nhiệm vụ và sắp xếp lại tổ chức bên trong của đơn vị sự nghiệp công lập.*  *4. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ về tài chính là đơn vị tự chủ tài chính từ mức tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên đến đến mức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.*  *5. Đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được hiểu là các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; y tế dự phòng, y tế cơ sở, khám, chữa các bệnh phong, lao, tâm thần; nghiên cứu khoa học cơ bản; văn hoá, nghệ thuật dân gian truyền thống; đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia; bảo trợ xã hội và chăm sóc người có công; báo chí, xuất bản; đào tạo sư phạm, cán bộ, công chức, viên chức, nguồn nhân lực cho lực lượng vũ trang; phục vụ đối ngoại Nhà nước; những dịch vụ sự nghiệp công mà khu vực ngoài Nhà nước chưa có khả năng cung ứng.* | Bổ sung một Điều về giải thích từ ngữ để làm rõ các khái niệm liên quan đến đơn vị sự nghiệp công lập.  - Bổ sung theo Khoản 1 Điều 9 Luật Viên chức năm 2010. |
|  |  | ***Điều 4. Nguyên tắc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập***  *1. Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập phải bảo đảm đúng điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; chỉ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp tự bảo đảm toàn bộ về tài chính (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu).*  *2. Một đơn vị sự nghiệp công lập có thể cung ứng nhiều dịch vụ sự nghiệp công cùng loại; tổ chức lại hoặc giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả; đẩy mạnh xã hội hoá, chuyển các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác đủ điều kiện thành công ty cổ phần.*  *3. Không làm tăng số lượng đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự bảo đảm toàn bộ về tài chính thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch vụ cơ bản thiết yếu) và không làm tăng tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện quy định về số lượng cấp phó và lộ trình tinh giản biên chế theo đúng quy định của Đảng và của pháp luật*. | Bổ sung các quy định này để bảo đảm phù hợp với quy định tại NQ số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; Nghị quyết số 08/NQ-CPngày24/01/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động để thực hiện NQ số 19-NQ/TW |
|  | **Điều 3. Điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể**  1. Điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập  a) Xác định cụ thể mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ;  b) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có);  c) Có trụ sở làm việc hoặc đề án quy hoạch cấp đất xây dựng trụ sở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp xây dựng trụ sở mới); trang thiết bị cần thiết ban đầu; nguồn nhân sự và kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.  2. Điều kiện tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập  a) Thực hiện việc điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).  3. Điều kiện giải thể đơn vị sự nghiệp công lập  Việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện khi có một trong các điều kiện sau:  a) Không còn chức năng, nhiệm vụ;  b) Ba năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoạt động không có hiệu quả theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền thành lập;   c) Theo yêu cầu sắp xếp về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập để phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. | **Điều 5. Điều kiện thành lập, tổ chức lại, giải thể**  1. Điều kiện thành lập đơn vị sự nghiệp công lập  a) Xác định cụ thể mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ;  b) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;  c) Có trụ sở làm việc hoặc đề án quy hoạch cấp đất xây dựng trụ sở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trường hợp xây dựng trụ sở mới); trang thiết bị cần thiết ban đầu; nguồn nhân sự và kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.  *d) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở ở nước ngoài: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này, cần đáp ứng các điều kiện đặc thù sau:*  *- Phù hợp với chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước;*  *- Có thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước sở tại về việc thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.*  2. Điều kiện tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập  a) Thực hiện việc điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  c) *Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở ở nước ngoài: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, b Khoản này, phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này.*  3. Điều kiện giải thể đơn vị sự nghiệp công lập  Việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện khi có một trong các điều kiện sau:  a) Không còn chức năng, nhiệm vụ;  b) Ba năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ hoặc hoạt động không có hiệu quả theo đánh giá của cơ quan có thẩm quyền thành lập;   c) Theo yêu cầu sắp xếp về tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập để phù hợp với quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  *d) Dịch vụ sự nghiệp công đã được xã hội hóa cao, khu vực ngoài Nhà nước có khả năng cung ứng;*  *đ) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở ở nước ngoài: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm a, b,c Khoản này, phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này.* | - Bỏ cụm từ “nếu có” để hạn chế việc thành lập các ĐVSNCL mới, chỉ thành lập các ĐVSNCL trong quy hoạch quy hoạch mạng lưới tổ chức ĐVSNCL đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt  - Bổ sung quy định về việc thành lập các ĐVSNCL có trụ sở ở nước ngoài để phù hợp với quy định về nội dung này tại Khoản 1 Điều 2  - Bỏ cụm từ “nếu có” để hạn chế việc tổ chức lại để thành lập mới các ĐVSNCL mới,  *- Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 2, điểm d Khoản 1 Điều này*  - Bổ sung để phù hợp với thực tiễn, nhằm giảm bớt đầu mối các ĐVSNCL chưa tự bảo đảm về tài chính, do NSNN cấp trong khu vực dịch *vụ sự nghiệp công đã được xã hội hóa cao, khu vực ngoài Nhà nước có khả năng cung ứng* |
|  | **Điều 4. Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Việc phân loại đơn vị sự nghiệp công lập dựa trên các căn cứ sau:  a) Ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc thực hiện nhiệm vụ được giao và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập;  c) Tính chất, đặc điểm về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp công lập;  d) Cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.  2. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định cụ thể tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với yêu cầu quản lý của ngành, lĩnh vực và quy định của pháp luật chuyên ngành. | **Điều 6. Phân loại đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Việc phân loại đơn vị sự nghiệp công lập dựa trên các căn cứ sau:  a) Ngành, lĩnh vực hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Chức năng, nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước hoặc thực hiện nhiệm vụ được giao và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập;  c) *Phạm vi hoạt động*, tính chất, đặc điểm về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp công lập;  d) Cơ chế hoạt động *và mức độ tự chủ về tài chính* của đơn vị sự nghiệp công lập.  2. Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định cụ thể tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với yêu cầu quản lý của ngành, lĩnh vực và quy định của pháp luật chuyên ngành. | - Bổ sung “*Phạm vi hoạt động”* để phù hợp với quy hoạch mạng lưới các ĐVSNCL theo ngành, lĩnh vực.  - Bổ sung để phù hợp với quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP về cơ chế tự chủ của các ĐVSNCL. |
|  |  | **Điều 7. Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Khung số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập như sau:  a) Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quá 03;  b) Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không quá 02.  *Đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm b Khoản này, tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, được quyết định số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị mình tối đa không quá 03.*  2. Số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được xác định theo các tiêu chí sau:  a) Vị trí pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Quy mô về số lượng người làm việc và đầu mối tổ chức trực thuộc của đơn sự nghiệp công lập;  c) Phạm vi hoạt động, tính chất và đặc điểm về chuyên môn, nghiệp vụ của đơn vị sự nghiệp công lập;  *d) Mức độ tự chủ về tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.*  Căn cứ các tiêu chí nêu trên, Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hướng dẫn cụ thể số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực, bảo đảm không vượt quá khung số lượng cấp phó quy định tại Khoản 1 Điều này. | Bổ sung quy định cụ thể về khung số lượng cấp phó và tiêu chí xác định cấp phó của người đứng đầu của đơn vị sự nghiệp công lập để phù hợp với quy định tại NQ số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ |
|  | **Chương II** TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ | **Chương II** TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ |  |
|  | **Mục 1**  **THÀNH LẬP**  **Điều 5. Đề án thành lập**  1. Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập.  2. Nội dung Đề án, bao gồm:  a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;  b) Mục tiêu, phạm vi đối tượng hoạt động, tên gọi của tổ chức;  c) Loại hình đơn vị sự nghiệp công lập;  d) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn;  đ) Cơ cấu tổ chức (nếu có quy mô lớn);  e) Cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động;  g) Dự kiến về nhân sự, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc và trang thiết bị, phương tiện cần thiết để bảo đảm cho đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động sau khi được thành lập;  h) Phương án tổ chức và lộ trình triển khai hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;  i) Kiến nghị của cơ quan xây dựng đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có);  k) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. | **Mục 1**  **THÀNH LẬP**  **Điều 8. Đề án thành lập**  1. Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập.  2. Nội dung Đề án, bao gồm:  a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;  b) Mục tiêu, phạm vi đối tượng hoạt động, tên gọi của tổ chức;  c) Loại hình đơn vị sự nghiệp công lập;  d) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn;  đ) Cơ cấu tổ chức;  e) Cơ chế tài chính, cơ chế hoạt động.  g) Dự kiến về nhân sự *(trong đó xác định rõ số lượng cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại Điều 6 Nghị định này và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực),* *vị trí việc làm*, số lượng người làm việc theo vị trí việc làm, kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc và trang thiết bị, phương tiện cần thiết để bảo đảm cho đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động sau khi được thành lập;  h) Báo cáo giải trình về việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật; *tình hình cung ứng dịch vụ sự nghiệp công dự kiến thành lập ở khu vực ngoài nhà nước;*  i) Phương án tổ chức và lộ trình triển khai hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập;  k) Kiến nghị của cơ quan xây dựng đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có);  l) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực. | - Bỏ cụm từ “nếu có quy mô lớn” để quản lý chặt chế việc thành lập các ĐVSNCL kể cả quy mô nhỏ.  - Bổ sung để phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị định này và làm rõ phương án cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL khi thành lập mới;  - Bổ sung nội dung báo cáo về “*tình hình cung ứng dịch vụ sự nghiệp công dự kiến thành lập ở khu vực ngoài nhà nước”* để hạn chế việc thành lập mới đối với các ĐVSNCL được xã hội hóa cao, khu vực ngoài công lập đã cung ứng được. |
|  | **Điều 6. Tờ trình thành lập**  1. Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan đề nghị thành lập xây dựng để trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.  2. Nội dung tờ trình, bao gồm:  a) Quá trình xây dựng đề án;  b) Nội dung chính của đề án;  c) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề có liên quan.  3. Tờ trình thành lập phải do người đứng đầu cơ quan đề nghị thành lập ký, trình cấp có thẩm quyền. | **Điều 9. Tờ trình thành lập**  1. Tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan đề nghị thành lập xây dựng để trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.  2. Nội dung tờ trình, bao gồm:  a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;  b) Quá trình xây dựng đề án;  c) Nội dung chính của đề án;  d) Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và những vấn đề liên quan.  3. Tờ trình thành lập phải do người đứng đầu cơ quan đề nghị thành lập ký, trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập.  *4. Cơ quan đề nghị thành lập đối với các đơn vị sự nghiệp công lập như sau:*  *a) Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 2 Nghị định này và đơn vị sự nghiệp thuộc tổng cục thuộc Bộ;*  *b) Tổ chức do Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của mình;*  *c) Cục thuộc Bộ đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của mình;*  *d) Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị định này;*  *đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 2 Nghị định này;*  *e) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 2 Nghị định này;*  *g) Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật chuyên ngành;*  *h) Cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 2 Nghị định này thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.* | - Bổ sung nội dung quy định về cơ quan đề nghị thành lập để làm rõ về cơ quan đề nghị thành lập, bảo đảm phù hợp với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 2. |
|  | **Điều 7. Lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan**  Cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải gửi đề án thành lập đến các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật và theo quy chế làm việc của cơ quan để lấy ý kiến bằng văn bản đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. | **Điều 10. Lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan**  1.Cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải gửi đề án thành lập đến các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật và theo quy chế làm việc của cơ quan để lấy ý kiến bằng văn bản đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.  *2.Đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập có trụ sở ở nước ngoài thì bắt buộc phải có ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.* | - Bổ sung thêm quy định bắt buộc các ĐVSNCL có trụ sở ở nước ngoài khi thành lập phải lấy ý kiến cảu các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về công tác đối ngoại, công tác quản lý CB, CC, VC của cơ quan đại diện của nước CHXHCB VN ở nước ngoài, liên quan đến tài chính, an ninh, quốc phòng ..và để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị định này. |
|  | **Điều 8. Hồ sơ thành lập**  1. Hồ sơ thẩm định:  a) Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Văn bản đề nghị, tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập, dự thảo quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập, dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);  c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  d) Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan.  2. Hồ sơ trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập:  a) Văn bản thẩm định, văn bản tham gia góp ý kiến của các cơ quan, tổ chức và các tài liệu khác có liên quan;  b) Dự thảo quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập đã được hoàn chỉnh về nội dung và thể thức. | **Điều 11. Hồ sơ thành lập**  1. Hồ sơ thẩm định:  a) Văn bản đề nghị thẩm định được ký tên, đóng dấu của cơ quan đề nghị thành lập;  b*) Dự thảo tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;*  c) Dự thảo đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  d) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);  đ) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan về việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  e) Báo cáo của cơ quan đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan.  2. Hồ sơ trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập:  a) Tờ trình của cơ quan đề nghị thành lập tổ chức;  b) Đề án thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  c) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập đã được hoàn thiện về nội dung và thể thức; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các tài liệu khác có liên quan (giấy tờ đất đai, kinh phí, nguồn nhân lực);  d) Văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền;  đ) Báo cáo của cơ quan đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của cơ quan thẩm định;  e) Báo cáo của cơ quan đề nghị thành lập về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan liên quan (kèm theo văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan) và các tài liệu khác có liên quan đến thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. | Biên tập lại một số nội dung và sắp xếp lại trình tự các văn bản cần thiết phải có trong hồ sơ thành lập cho phù hợp |
|  | **Điều 9. Trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ thành lập**  1. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập gửi hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập 01 (một) bộ đến cơ quan, tổ chức thẩm định được quy định tại Điều 11 Nghị định này để thẩm định; đối với các cơ quan có liên quan để phối hợp hoặc để biết thì chỉ ghi tên các cơ quan đó vào mục nơi nhận của công văn hoặc tờ trình đề nghị thành lập.  2. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải lập danh mục hồ sơ theo dõi quá trình xử lý theo quy định.  3. Hồ sơ gửi là văn bản chính được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Điều 8 Nghị định này. | **Điều 12. Trình tự gửi và tiếp nhận hồ sơ thành lập**  1. Cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập gửi *01 (một) bộ* hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập đến cơ quan, tổ chức thẩm định được quy định tại Điều 13Nghị định này để thẩm định; đối với các cơ quan có liên quan để phối hợp hoặc để biết thì chỉ ghi tên các cơ quan đó vào mục nơi nhận của công văn hoặc tờ trình đề nghị thành lập.  2. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải lập danh mục hồ sơ theo dõi quá trình xử lý theo quy định.  3. Hồ sơ gửi là văn bản chính được ký tên, đóng dấu của cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Điều 11 Nghị định này. |  |
|  | **Điều 10. Xử lý hồ sơ thành lập**  1. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận hồ sơ theo chức năng, thẩm quyền của mình có trách nhiệm xử lý hồ sơ thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy chế làm việc của cơ quan để thẩm định và trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.  2. Đối với những vấn đề chưa rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau thì cơ quan, tổ chức thẩm định yêu cầu cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải có văn bản giải trình bổ sung hoặc theo ủy quyền của người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức họp với cơ quan trình đề án và các cơ quan có liên quan để làm rõ và báo cáo cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định.  3. Cơ quan, tổ chức thẩm định chủ trì, phối hợp với cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập hoàn tất hồ sơ và các thủ tục theo quy định để trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. |  | Biên tập lại và gộp nội dung quy định về xử lý hồ sơ vào các điều về thẩm định và Điều 15 thành sử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc thành lập |
|  | **Điều 11. Thẩm định thành lập**  1. Cơ quan, tổ chức thẩm định:  a) Bộ Nội vụ là cơ quan thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ;  b) Vụ Tổ chức cán bộ hoặc Ban Tổ chức cán bộ là tổ chức thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ;  c) Sở Nội vụ là cơ quan thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  d) Phòng Nội vụ là tổ chức thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định thành lập của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;  đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập theo quy định của luật chuyên ngành thì cơ quan thẩm định do pháp luật chuyên ngành quy định.  2. Nội dung thẩm định:  a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Mục tiêu, phạm vi đối tượng, tên gọi, địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; cơ cấu tổ chức; cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;  c) Điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đơn vị sự nghiệp công lập khi được thành lập;  d) Tính khả thi của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  đ) Dự thảo quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập, dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.  3. Trường hợp quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập là văn bản quy phạm pháp luật, việc thẩm định còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. | **Điều 13. Thẩm định thành lập**  1. Cơ quan thẩm định  Đối với việc thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập thì cơ quan thẩm định được quy định như sau:  a) Bộ Nội vụ là cơ quan thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;  b) Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Bộ (hoặc Cục hoặc Ban Tổ chức cán bộ) là tổ chức thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  c) *Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* là cơ quan thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  d) *Cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tổ chức bộ máy thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện* là cơ quan thẩm định đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện;  đ) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập phải đáp ứng các tiêu chí, điều kiện hoạt động theo quy định của luật chuyên ngành thì cơ quan thẩm định đối với nội dung đáp ứng tiêu chí, điều kiện hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập do pháp luật chuyên ngành quy định.  2. Nội dung thẩm định gồm:  a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc thành lập tổ chức;  b) Mục tiêu, phạm vi, đối tượng, tên gọi, loại hình tổ chức, địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; cơ cấu tổ chức; *vị trí việc làm*, cơ cấu chức danh nghiệp và số lượng người làm việc (*trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ về tài chính*); cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;  c) Hồ sơ, thủ tục thành lập tổ chức theo quy định;  d) Điều kiện bảo đảm hoạt động đối với đơn vị sự nghiệp công lập khi được thành lập;  đ) Việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện thành lập và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;  e) Tính khả thi của việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  g) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập; dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.  *Đối với những vấn đề chưa rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau thì cơ quan, tổ chức thẩm định yêu cầu cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải có văn bản giải trình bổ sung hoặc theo ủy quyền của người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức họp với cơ quan trình đề án và các cơ quan có liên quan để làm rõ và báo cáo cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định.*  3. Trường hợp quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập là văn bản quy phạm pháp luật, việc thẩm định còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật. |  |
|  | **Điều 12. Quyết định thành lập**  1. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập căn cứ vào văn bản đề nghị thành lập, văn bản thẩm định để quyết định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.  2. Hình thức văn bản thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải phù hợp với thẩm quyền của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. | **Điều 14. Quyết định thành lập**  1. Cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập căn cứ vào văn bản đề nghị thành lập, văn bản thẩm định để quyết định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.  2. Hình thức văn bản thành lập đơn vị sự nghiệp công lập phải phù hợp với thẩm quyền của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. |  |
|  | **Điều 13. Thời hạn giải quyết việc thành lập**  1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đúng thủ tục), cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định.  2. Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định có văn bản thẩm định, cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định thành lập. Trường hợp cơ quan hoặc người có thẩm quyền không đồng ý việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan trình đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập biết rõ lý do. | **Điều 15. *Xử lý hồ sơ* và thời hạn giải quyết việc thành lập**  1. Về thẩm định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập  a) Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thời hạn thẩm định là *15 (mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương thì thời hạn thẩm định là *10 (mười) ngày*, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định gửi cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.  2. Về quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập  Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của cơ quan, tổ chứcthẩm định và trình theo quy định, cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.  Trường hợp cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định thành lập không đồng ý việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập thì có ý kiến bằng văn bản (nêu rõ lý do) gửi cơ quan đề nghị thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thời hạn quy định tại Khoản 5 Điều 92, Điều 98 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.  Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thời hạn quy định tại Khoản 4 Điều 102, Điều 121, Điều 130; Khoản 2 Điều 134; Khoản 3 Điều 139 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 |
|  | **Mục 2**  **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**  **Điều 14. Đề án, tờ trình tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Nội dung đề án và tờ trình đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:  a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc tổ chức lại, giải thể;  b) Phương án xử lý các vấn đề về nhân sự, tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;  c) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).  d) Quy định trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.  2. Trình tự, thủ tục tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. | **Mục 2**  **TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ**  **Điều 16. Đề án, tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Nội dung đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:  Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 8, Đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập bổ sung các nội dung sau:  a*) Thực trạng hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi tổ chức lại;*  b) Phương án xử lý các vấn đề về nhân sự, tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;  c) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có);  d) Quy định trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.  2. Nội dung tờ trình tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như đối với tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 9 Nghị định này. | Tách nội dung quy định về Đề án và Tờ trình tổ chức, giải thể thành 2 nội dung quy định riêng về đề án và tờ trình tổ chức lại (Điều 16) và đề án tờ trình giải thể ĐVSNC (Điều 17); biên tập lại, gộp quy định về hồ sơ và thời hạn giải quyết việc tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL thành Điều 18.  - Áp dụng các quy định tại Khoản 2 Điều 8 quy định về đề án thành lập các ĐVSNCL để tránh lắp lại nội dung văn bản; sửa đổi, bổ sung một số nội dung cần phải báo cáo trong Đề án tổ chức lại ĐVSNCL.  - Bỏ cụm từ “giải thể” để phù hợp với nội dung quy định về tổ chức lại ĐVSNCL  - Áp dụng các quy định tại Điều 9 quy định về Tờ trình thành lập các ĐVSNCL để tránh việc lặp lại trong văn bản |
|  | **Điều 15. Hồ sơ tổ chức lại,** **giải thể đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Hồ sơ tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm:  a) Đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Tờ trình đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và dự thảo quyết định tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;  c) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).  2. Việc gửi hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ về tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. | **Điều 17. Đề án, tờ trình** **giải thể đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Nội dung đề án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:  a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý của việc giải thể;  b) Phương án xử lý các vấn đề về nhân sự, tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan;  c) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác liên quan (nếu có);  d) Quy định trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và thời hạn xử lý.  2. Nội dung tờ trình giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện như đối với tờ trình thành lập đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Điều 9 Nghị định này. | - Bỏ cụm từ “tổ chức lại” để phù hợp với nội dung quy định về giải thể ĐVSNCL |
|  | **Điều 16. Thời hạn giải quyết việc tổ chức lại,** **giải thể**  1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đúng thủ tục), cơ quan, tổ chức thẩm định phải có văn bản thẩm định.  2. Trong thời hạn 25 (hai lăm) ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định có văn bản thẩm định, cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập ra quyết định tổ chức lại, giải thể. Trường hợp cơ quan hoặc người có thẩm quyền không đồng ý việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thì thông báo bằng văn bản cho cơ quan đề nghị việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập biết rõ lý do. | **Điều 18. Hồ sơ và thời hạn giải quyết việc tổ chức lại,** **giải thể đơn vị sự nghiệp công lập**  1. Hồ sơ tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm:  a) Đề án tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;  b) Tờ trình tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;  c) Dự thảo văn bản của cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;  d) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).  2. Việc gửi hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ và thời hạn giải quyết việc tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện như quy định đối với việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thời hạn quy định tại Khoản 5 Điều 92, Điều 98 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.  Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thời hạn quy định tại Khoản 4 Điều 102, Điều 121, Điều 130; Khoản 2 Điều 134; Khoản 3 Điều 139 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 |
|  | **Chương III**  **THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM** | **Chương III**  **THẨM QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM** |  |
|  |  | ***Điều 19. Thẩm quyền của Chính phủ***  *1. Chính phủ ban hành các quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.*  *2. Chính phủ quy định tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.*  *3. Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.* | Bổ sung để quy định rõ trách nhiệm của Chính phủ để bảo đảm sự thống nhất quản lý của Chính phủ về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập và phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ về quản lý đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Luật tổ chức Chính phủ năm 2015. |
|  | **Điều 17. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ**  1. Phê duyệt quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập trong phạm vi toàn quốc.  2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ); đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của luật chuyên ngành. | **Điều 20. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ**  1. Quy định tiêu chí thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật. Phê duyệt quy hoạch mạng lưới *các* đơn vị sự nghiệp công lập *theo ngành, lĩnh vực*.  2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ); đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  3. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của luật chuyên ngành. |  |
|  |  | ***Điều 21. Thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp***  *1. Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực và tổ chức thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*  *2. Ban hành tiêu chí cụ thể về thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực theo quy định của luật chuyên ngành.*  *3. Quy định cụ thể tiêu chí phân loại đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực; tiêu chí xác định số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực, bảo đảm không vượt quá khung số lượng cấp phó quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này.*  *4. Hướng dẫn việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực.*  *5. Định kỳ tổng hợp, báo cáo về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực gửi Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.* | Bổ sung để quy định rõ trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực sự nghiệp trên cơ sở tách và biên tập lại một số nội dung quy định tại Điều quy định về thẩm quyền của Bộ, cơ quan ngang Bộ.  Thay cụm từ “*Thủ tướng Chính phủ” bằng cụm từ “*cấp có thẩm quyền theo quy định” |
|  | **Điều 18. Thẩm quyền của** **Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ**  1. Trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực và tổ chức thực hiện khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.  2. Ban hành tiêu chí cụ thể về phân loại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý.  3. Quyết định thành lập, tổ chức lại,giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý, gồm:  a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục;  b) Đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của luật chuyên ngành.  4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; hướng dẫn việc thành lập, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của luật chuyên ngành.  5. Hàng năm tổng hợp, báo cáo về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. | **Điều 22. Thẩm quyền của** **Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập**  1.Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quyết định thành lập, tổ chức lại,giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trong cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý, gồm:  a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cục;  b) Đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định của luật chuyên ngành.  2. Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của luật chuyên ngành.  3. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của luật chuyên ngành.  4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.  5. Định kỳ tổng hợp, báo cáo về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý gửi Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. | Bỏ cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” thay bằng cụm từ “cấp có thẩm quyền theo quy định”. |
|  | **Điều 19. Thẩm quyền của** **Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập**  1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của luật chuyên ngành.  2. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.  3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý.  4. Hàng năm tổng hợp, báo cáo về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ |  | Gộp vào Điều 22 |
|  | **Điều 20. Thẩm quyền của** **Bộ Nội vụ**  1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập.  2. Tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong phạm vi cả nước. | **Điều 23. Thẩm quyền của** **Bộ Nội vụ**  1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập.  2. Tổng hợp báo cáo về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong phạm vi cả nước. | Giữ nguyên  - Bỏ cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” |
|  | **Điều 21. Thẩm quyền của** **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  1. Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của cấp mình theo quy định của luật chuyên ngành.  2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, gồm:  a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành và của Bộ Nội vụ;  b) Đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của luật chuyên ngành;  c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của luật chuyên ngành.  3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  4. Thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của luật chuyên ngành.  5. Hàng năm tổng hợp, báo cáo về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập thuộc cấp mình quản lý (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện), gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. | **Điều 24. Thẩm quyền của** **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, gồm:  a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  b) Đơn vị sự nghiệp công lập khác thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của luật chuyên ngành;  *c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định cấp có thẩm quyền;*  d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của luật chuyên ngành.  2. Quyết định thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.  3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  4. Thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đối với một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của luật chuyên ngành.  5. Định kỳ tổng hợp, báo cáo về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện), gửi Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. | - Bỏ Khoản 1 Điều này để phù hợp với thẩm quyền của Thủ tướng CP tại Điều 20  Bỏ cụm từ “ và của Bộ Nội vụ” để phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (không còn hình thức thông tư liên tịch).  - Bỏ cụm từ “Thủ tướng Chính phủ” thay bằng cụm từ “cấp có thẩm quyền theo quy định” để phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 21, Khoản 5 Điều 22, Khoản 2 Điều 23 |
|  | **Chương IV**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **Chương IV**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
|  | **Điều 22. Quy định chuyển tiếp**  Cơ quan đã gửi đề án, tờ trình đến cơ quan hoặc người có thẩm quyền về việc đề nghị thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2012, nhưng chưa được cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp Nhà nước. | **Điều 25. Quy định chuyển tiếp**  1. Cơ quan đã gửi đề án, tờ trình đến cơ quan hoặc người có thẩm quyền về việc đề nghị thành lập, giải thể, tổ chức lại tổ chức hành chính trước ngày .... *tháng …. năm 2018*, nhưng chưa được cơ quan hoặc người có thẩm quyền ra quyết định thành lập, giải thể, tổ chức lại tổ chức hành chính thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại *Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thểđơn vị sự nghiệp công lập*  *2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành mà có số lượng cấp phó của người đứng đầu nhiều hơn số lượng cấp phó được quy định tại Điều 7 Nghị định này thì trong vòng một năm phải tổ chức sắp xếp số lượng cấp phó của người đứng đầu theo đúng quy định của Nghị định này.*  *Trường hợp sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập làm tăng số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị so với quy định tại Nghị định này thì trong thời hạn 03 năm, cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm sắp xếp, bố trí để giảm số lượng cấp phó, bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định này; chỉ được bổ sung khi số lượng cấp phó thấp hơn quy định tại Nghị định này.* | **-** Bổ sung quy định về xử lý đối với số lượng cấp phó của người đứng đầu nhiều hơn số lượng cấp phó được quy định tại Điều 7 Nghị định này và khi sắp xếp, tổ chức lạiĐVSNCL |
|  | **Điều 23. Hiệu lực thi hành**  Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2012.  Bãi bỏ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp nhà nước tại Nghị định số 83/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp Nhà nước và các quy định trước đây trái với Nghị định này. | **Điều 26. Hiệu lực thi hành**  ***Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng .... năm 2018.***  Bãi bỏ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp nhà nước tại ***Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập*** và các quy định trước đây trái với Nghị định này. |  |
|  | **Điều 24. Trách nhiệm thi hành**  Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu cơ quan do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. | **Điều 27. Trách nhiệm thi hành**  Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu cơ quan do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |